

Bản án số: 52/2024/KDTM-ST

Ngày 11-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê  
tài chính

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-KDTM ngày 22/8/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty C1; địa chỉ: Tầng I, cao ốc Sài Gòn T, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 2001; địa chỉ: Tầng 9-26-27-28-29, cao ốc Sài Gòn T, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH S1; trụ sở: Số A, đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số F, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Ông Chương Văn S, sinh năm 1965; thường trú: Số I, đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ

liên hệ: Số F, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Chương Văn S, sinh năm 1965; thường trú: Số I, đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số F, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà Vương N, sinh năm 1965, thường trú: Số I, đường L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3/ Ông Lê A, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A B9 L, phường V, Quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số A (số mới 3/13) N, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Tuấn V trình bày:*

Ngày 08/10/2020 Công ty TNHH S1 có ký các hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 để thuê tài sản là 01 máy tạo hình CHING TSAI, 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN và hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 ký ngày 09/8/2021 với tài sản cho thuê là 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN, 05 máy tạo hình CHING TSAI. Hợp đồng thuê số F201013502 có thời hạn thuê là 36 tháng, tổng giá trị tài sản thuê là 462.000.000 đồng, số tiền mà Công ty TNHH S1 trả trước là 161.700.000 đồng, số tiền mà Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 tài trợ là 300.300.000 đồng. Hợp đồng thuê số F210708102 có thời hạn thuê là 36 tháng, tổng giá trị tài sản thuê là 1.935.000.000 đồng, số tiền mà Công ty TNHH S1 trả trước là 870.750.000 đồng, số tiền mà Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 tài trợ là 1.064.250.000 đồng. Tổng số tiền mà Công ty C1 tài trợ là 1.364.550.000 đồng. Các hợp đồng thuê số F201013502 và F210708102 đều được cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng vào ngày 20/10/2020 và ngày 07/10/2021. Lãi suất thuê được áp dụng cho các hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại các thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C1 đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, Công ty C1 chấp nhận các thư bảo lãnh cá nhân của ông Chương Văn S được lập vào ngày 08/10/2020, ngày 09/8/2021 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê số F201013502 và số F210708102, thư bảo lãnh cá nhân của bà Vương N được lập vào ngày 08/10/2020 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê số F201013502, thư bảo lãnh cá nhân của ông Lê A được lập ngày 09/8/2021 về việc thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê số F210708102.

Thực hiện hợp đồng thuê số F201013502, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán số F201013502-PC vào ngày 15/10/2020 để mua tài sản cho thuê tài chính theo hợp đồng thuê từ Công ty TNHH Đ và cho Công ty TNHH S1 thuê lại các tài sản thuê này. Công ty S1 đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu các tài sản thuê ngày 20/10/2020. Để thực hiện hợp đồng thuê số F210708102, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán số F210708102-PC vào ngày 09/8/2021 để mua tài sản cho thuê tài chính theo hợp đồng thuê từ Công ty TNHH S1 và cho chính Công ty TNHH S1 thuê lại các tài sản thuê này. Công ty S1 đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê ngày 06/10/2021.

Hàng tháng, Công ty S1 phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty S1 trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của hợp đồng thuê, nếu Công ty S1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty V1 một lần toàn bộ khoản nợ còn lại.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty S1 thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH V1.

Do Công ty TNHH S1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của hợp đồng thuê, nên vào ngày 19/12/2022, Công ty C1 đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty V1 tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 20/12/2022 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.266.638.775 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi bảy lăm) đồng.

Sau khi hết thời hạn của hợp đồng thuê, Công ty C1 đã nhiều lần liên hệ với Công ty S1 để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty S1 vẫn chưa thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên cho Công ty C1.

Ngày 03/01/2023, Công ty C1 đã phát hành thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A thanh toán theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký nhưng đến nay ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty TNHH S1 còn nợ. Sau khi khởi kiện, Công ty TNHH Vĩnh Tiến P đã thanh toán một phần nợ gốc.

Nay Công ty cho thuê tài chính Quốc tế C1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc Công ty TNHH V1 cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 11/9/2024 là 1.186.647.138 đồng, trong đó: Hợp đồng thuê F201013502 nợ gốc là 58.391.672 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 20/12/2022 là 29.888.903 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2024 là 33.616.046 đồng, tổng cộng là 121.896.621 đồng; Hợp đồng thuê F210708102 nợ gốc là 644.110.087 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 20/12/2022 là 232.900.931 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2024 là 187.739.499 đồng, tổng cộng là 1.064.750.517 đồng;

+ Buộc Công ty TNHH V1 cho Công ty C1 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 12/9/2024 trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng thuê;

+ Trường hợp Công ty TNHH S1 không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, thì buộc Công ty TNHH S1 giao trả Tài sản thuê để Công ty C1 xử lý, thu hồi nợ là: 01 máy tạo hình CHING TSAI, 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN theo hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 ký ngày 08/10/2020 và 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN, 05 máy tạo hình CHING TSAI theo hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 ký ngày 09/8/2021;

+ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu. Trường hợp Công ty TNHH S1 không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên hoặc Công ty TNHH S1 không giao trả Tài sản thuê để xử lý nợ, buộc các người bảo lãnh là ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

- *Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/4/2024, biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2024 người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH S1 là ông Chương Văn S trình bày:*

Ông Chương Văn S thống nhất về nội dung hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 ký ngày 08/10/2020 với tài sản thuê tài chính là 01 máy tạo hình CHING TSAI, 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN và hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 ký ngày 09/8/2021 với tài sản cho thuê là 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN, 05 máy tạo hình CHING TSAI và số tiền còn nợ.

Nhưng do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty TNHH S1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đúng hạn như trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho Công ty C1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH S1 đồng ý thanh toán đầy đủ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu bị đơn không thanh toán được khoản nợ nêu trên, Công ty TNHH S1 sẽ giao trả tài sản thuê theo 02 hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên cho Công ty C1 để thanh lý, xử lý nợ.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Chương Văn S trình bày:*

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty TNHH S1 theo các hợp đồng thuê tài chính, tôi đã ký 02 thư bảo lãnh cá nhân vào ngày 08/10/2020, ngày 09/8/2021.

Ông Chương Văn S đồng ý nếu Công ty TNHH S1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thuê theo hợp đồng thuê, ông S cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty TNHH S1 theo nội dung thư bảo lãnh ông S đã ký.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/9/2024 và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê A trình bày: Ông Lê A thống nhất vào ngày 09/8/2021, ông có ký thư bảo lãnh để bảo lãnh cho Công ty TNHH S1 theo hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 ngày 09/8/2021. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

- *Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập họp lệ người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Vương N, nhưng người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Chương Văn S có yêu cầu giải quyết vắng mặt; còn người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Vương N đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty TNHH S1; trụ sở: Số A, đường B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số F, đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh, Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Chương Văn S có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Vương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/7/2024 và phiên tòa ngày 22/8/2024, 11/9/2024 hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt đối với các đương sự trên. Bà Vương N vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C1, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 ký ngày 08/10/2020 và hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 ký ngày 09/8/2021 thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội do đó có căn cứ xác định giữa nguyên đơn Công ty C1 và bị đơn Công ty TNHH S1 có xác lập hợp đồng cho thuê tài chính. Để bảo đảm khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 có chấp nhận các thư bảo lãnh cá nhân của ông Chương Văn S được lập vào ngày 08/10/2020, ngày 09/8/2021 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê số F201013502 và số F210708102, thư bảo lãnh cá nhân của bà Vương N được lập vào ngày 08/10/2020 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê số F201013502, thư bảo lãnh cá nhân của ông Lê A được lập ngày 09/8/2021 về việc thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng thuê số F210708102. Hợp đồng cho thuê tài chính đã được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo quy định.

Bị đơn Công ty S1 thừa nhận về các hợp đồng cho thuê tài chính và xác định đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của hợp đồng thuê, vì vậy, Công ty C1 khởi kiện yêu cầu Công ty V1 tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 11/9/2024 là 1.186.647.138 đồng, trong đó: Hợp đồng thuê F201013502 nợ gốc là 58.391.672 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 20/12/2022 là 29.888.903 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2024 là 33.616.046 đồng, tổng cộng là 121.896.621 đồng; Hợp đồng thuê F210708102 nợ gốc là 644.110.087 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 20/12/2022 là 232.900.931 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/9/2024 là 187.739.499 đồng, tổng cộng 1.064.750.517 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời Công ty S1 còn phải chịu tiền lãi kể từ ngày 12/9/2024 trên số tiền chưa thanh toán và theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết.

[4] Xét tài sản cho thuê tài chính bao gồm có 01 máy tạo hình CHING TSAI, 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN theo hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN, 05 máy tạo hình CHING TSAI theo đồng cho thuê tài chính số F210708102. Do Công ty S1 đã vi phạm Hợp đồng cho thuê tài chính nên theo quy định tại Điều 26 của các Hợp đồng cho thuê tài chính nên Công ty C1 có quyền thu hồi lại các tài sản cho thuê để xử lý thu hồi nợ. Hiện tại các tài sản nêu trên đang được Công ty S1 lưu giữ tại Công ty để kinh doanh.

[5] Xét thư bảo lãnh của cá nhân ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A thể hiện ý chí tự nguyện của ông S, bà N và ông A. Nội dung bảo lãnh là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 335, 342 Bộ luật Dân sự. Vào ngày 03/01/2023, Công ty C1 đã phát hành thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A thanh toán theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký nhưng đến nay ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty TNHH S1 còn nợ Công ty C1. Do đó, khi Công ty TNHH S1 không thực hiện việc thanh toán hết số nợ cho Công ty C1 thì ông Chương Văn S, bà Vương N và ông Lê A phải chịu nghĩa vụ thanh toán số tiền còn phải thanh toán.

[6] Từ những phân tích trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đăng văn bản tố tụng trên các phương tiện thông tin đại chúng và chi phí xem xét thẩm định là 1.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã ứng nộp tại Tòa án.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 335, 342, 351 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động của Công ty C1 và Công ty C1;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C1 đối với bị đơn Công ty TNHH S1 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

- Buộc Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 tính đến ngày 11/9/2024 là 121.896.621 (một trăm hai mươi một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi một) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 58.391.672 (năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi hai) đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 29.888.903 (hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn chín trăm linh ba) đồng;

+ Lãi quá hạn: 33.616.046 (ba mươi ba triệu sáu trăm mười sáu nghìn không trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Buộc Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 tính đến ngày 11/9/2024 là 1.064.750.517 (một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn năm trăm mười bảy) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 644.110.087 (sáu trăm bốn mươi bốn triệu một trăm mười nghìn không trăm tám mươi bảy) đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 232.900.931 (hai trăm ba mươi hai triệu chín trăm nghìn chín trăm ba mươi một) đồng;

+ Lãi quá hạn: 187.739.499 (một trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi chín) đồng.

- Buộc Công ty TNHH S1 tiếp tục thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 12/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính.

- Trường hợp Công ty TNHH S1 không thanh toán được số tiền thuê còn nợ thì Công ty TNHH S1 phải giao trả Tài sản thuê để Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 xử lý, thu hồi nợ là: 01 máy tạo hình CHING TSAI, 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN theo hợp đồng cho thuê tài chính số F201013502 ký ngày 08/10/2020 và 01 máy cắt giấy ZUEYAN, 01 máy mài dao ZUEYAN, 05 máy tạo hình CHING TSAI theo hợp đồng cho thuê tài chính số F210708102 ký ngày 09/8/2021.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ thì Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Công ty C1.

- Trường hợp Công ty TNHH S1 không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên hoặc Công ty TNHH S1 không giao trả tài sản thuê để xử lý nợ, thì buộc ông Chương Văn S, bà Vương N, ông Lê A có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.



2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải chịu 47.599.414 (bốn mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm mười bốn) đồng.

Trả lại cho Công ty C1 24.657.702 (hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm lẻ hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001478 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương N, ông Chương Văn S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (03);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Liễn**